

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
TRƯỜNG TRUNG CẤP KINH TẾ - KỸ THUẬT BÌNH THUẬN

GIÁO TRÌNH
MÔN HỌC: THUẾ
NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP
TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:..../QĐ-TC .ngày....tháng...năm 202...
của Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Bình Thuận)*

Bình Thuận, năm 2023

(Lưu hành nội bộ)

TUYÊN BỐ BẢN QUYỀN

Tài liệu này thuộc loại sách giáo trình nên các nguồn thông tin có thể được phép dùng nguyên bản hoặc trích dùng cho các mục đích về đào tạo và tham khảo.

Mọi mục đích khác mang tính lệch lạc hoặc sử dụng với mục đích kinh doanh thiếu lành mạnh sẽ bị nghiêm cấm.

TaiLieu.vn

THAM GIA BIÊN SOẠN

1.
2.
3.
4.
5.
6.
7.

Bình Thuận, ngày tháng năm 202

MỤC LỤC

BÀI 1: NHẬP MÔN THUẾ	11
BÀI 2: THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	34
BÀI 3: THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN	47
BÀI 4: THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP	58
BÀI 5: THUẾ CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	63
BÀI 6: THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	71
BÀI 7: THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT	94
BÀI 8: THUẾ XUẤT KHẨU - THUẾ NHẬP KHẨU	106
BÀI 9: MỘT SỐ LOẠI THUẾ, LỆ PHÍ VÀ PHÍ KHÁC	120

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thuế

Mã số môn học: MH 14

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra: 02 giờ).

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔN HỌC:

- Vị trí: Môn học Thuế là môn học cơ sở được bố trí giảng dạy trước khi học các môn học/mô đun chuyên môn nghề.

- Tính chất: Thuế là môn học có tính chất hỗ trợ cho các môn học nghiệp vụ của nghề và vận dụng vào công tác thực tiễn của doanh nghiệp.

II. MỤC TIÊU MÔN HỌC:

- *Về kiến thức:*

+ Trình bày được nội dung cơ bản của từng sắc thuế đang áp dụng tại các doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay

+ Phân biệt được từng sắc thuế đang áp dụng tại các doanh nghiệp trong nền kinh tế hiện nay.

+ Vận dụng những nội dung chủ yếu của thuế và kết hợp với phương pháp tính thuế hợp lý cho từng trường hợp cụ thể và cho từng doanh nghiệp

- *Về kỹ năng:*

Tính toán được số tiền phải nộp ngân sách nhà nước của từng sắc thuế liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo chế độ hiện hành.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Tuân thủ đúng luật thuế nhà nước ban hành

+ Có thái độ nghiêm túc trong học tập, xác định đúng đắn động cơ và mục đích học tập.

III. NỘI DUNG MÔN HỌC:

1. Chương trình khung

TT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học /mô đun	Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Học kỳ			
				Tổng số	Trong đó			1	2	3	4
					Lý thuyết	Thực hành	Thi/ Kiểm tra				
I. Các môn học chung			15	316	116	184	16	151	165	0	0
1	MH 01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2		30		
2	MH 02	Pháp luật	1	15	9	5	1	15			
3	MH 03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2	30			
4	MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3		45		
5	MH 05	Tin học	2	45	15	29	1	45			
6	MH 06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4		90		
7	MH 07	Giáo dục sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục và phòng chống HIV/AIDS	1	16	7	9	0	16			
8	MH 08	Kỹ năng mềm	2	45	15	27	3	45			
II. Các môn học/ mô đun cơ sở			13	285	105	168	12	195	90	0	0
9	MH 09	Soạn thảo văn bản	2	45	15	28	2		45		
10	MH 10	Luật kinh tế	2	45	15	28	2		45		
11	MH 11	Nguyên lý thống kê	2	45	15	28	2	45			
12	MH 12	Kinh tế vi mô	2	45	15	28	2	45			
13	MH 13	Lý thuyết kế toán	3	60	30	28	2	60			
14	MH 14	Thuế	2	45	15	28	2	45			
III. Các môn học/mô đun chuyên môn			29	915	105	788	22	0	165	315	435
15	MĐ 15	Kế toán doanh nghiệp 1	4	90	30	56	4		90		
16	MH 16	Tài chính doanh nghiệp	3	75	15	58	2		75		
17	MĐ 17	Kế toán doanh nghiệp 2	3	75	15	58	2			75	
18	MH 18	Kế toán thuế	2	45	15	28	2			45	
19	MĐ 19	Tin học kế toán	3	75	15	58	2			75	

TT	Mã MH/ MĐ	Tên môn học /mô đun	Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Học kỳ			
				Tổng số	Trong đó			1	2	3	4
					Lý thuyết	Thực hành	Thi/ Kiểm tra				
20	MĐ 20	Thực hành kế toán doanh nghiệp	4	120	0	116	4			120	
21	MĐ 21	Thực tập nghề nghiệp	8	360	0	356	4				360
22	MĐ 22	Báo cáo tài chính căn bản	2	75	15	58	2				75
IV. Các môn học/mô đun tự chọn			5	105	45	56	4	45	0	60	0
IV.1. Các mô đun chuyên môn (Học sinh chọn 1 trong 2 môn)			3	60	30	28	2	0	0	60	0
23	MH 23	Kế toán hành chính sự nghiệp	3	60	30	28	2			60	
	MH 24	Kế toán xây dựng	3	60	30	28	2			60	
IV.2. Các mô đun cơ sở (Học sinh chọn 1 trong 3 môn)			2	45	15	28	2	45	0	0	0
24	MH 25	Lý thuyết tài chính tiền tệ	2	45	15	28	2	45			
	MH 26	Marketing căn bản	2	45	15	28	2	45			
	MH 27	Quản trị doanh nghiệp	2	45	15	28	2	45			
Tổng cộng			62	1621	371	1196	54	391	420	375	435

2. Chương trình chi tiết môn học

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu	2	2		
	1. Thuế và vai trò của thuế trong nền kinh tế				
	2. Các yếu tố cấu thành nên một sắc thuế				
	3. Phân loại thuế				
	4. Các tiêu chí để xây dựng hệ thống thuế				
	5. Đối tượng nghiên cứu				

2	Chương 2: Thuế Giá trị gia tăng 1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế GTGT 2. Nội dung cơ bản của thuế giá trị gia tăng	10	3	7	
3	Chương 3: Thuế Tiêu thụ đặc biệt 1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế tiêu thụ đặc biệt 2. Nội dung cơ bản của thuế tiêu thụ đặc biệt	7	2	5	
4	Chương 4: Thuế xuất khẩu, nhập khẩu 1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế xuất khẩu, nhập khẩu 2. Nội dung cơ bản của thuế xuất khẩu, nhập khẩu 3. Kiểm tra	11	3	7	1
5	Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp 1. Khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc thiết lập và tác dụng của thuế thu nhập doanh nghiệp 2. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp 3. Kiểm tra	11	3	7	1
6	Chương 6: Các khoản thuế và lệ phí khác 1. Thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất, chuyển nhượng quyền thuê đất 2. Thuế thu nhập cá nhân 3. Thuế tài nguyên 4. Thuế nhà, đất 5. Phí, lệ phí và thuế môn bài	4	2	2	
	Cộng	45	15	28	2

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học lý thuyết
2. Trang thiết bị máy móc: máy tính, máy chiếu, bảng

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Giáo trình, tài liệu phát tay và các tài liệu liên quan khác: Luật thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, Thuế tài nguyên và các loại thuế liên quan.

4. Các điều kiện khác: Câu hỏi thảo luận và bài tập thực hành, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm môn Thuế.

V. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được nội dung cơ bản của từng sắc thuế, phân biệt được từng sắc thuế đang áp dụng ở các doanh nghiệp.

- Kỹ năng: tính toán được số tiền phải nộp của từng loại thuế tại các doanh nghiệp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Trung thực, nghiêm túc trong nghiên cứu.

2. Phương pháp:

- Đánh giá trong quá trình học: Chương trình môn học Thuế có 01 cột kiểm tra thường xuyên và 01 cột kiểm tra định kỳ theo quy định qua các hình thức: Tự luận hoặc trắc nghiệm.

- Đánh giá kết thúc môn học: Kiểm tra theo hình thức: Tự luận hoặc trắc nghiệm.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔN HỌC:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Cao đẳng và trung cấp Kế toán doanh nghiệp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên: Trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào nội dung của từng bài học chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.

- Đối với người học: Tham gia đầy đủ các buổi học, chủ động tích cực trong học tập.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Thuế giá trị gia tăng.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt.

- Thuế xuất khẩu nhập khẩu.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Tài liệu tham khảo:

- *Giáo trình về lý thuyết thuế*, NXB Tài chính, 2005

- Các văn bản quy phạm pháp luật về thuế

- *Giáo trình nghiệp vụ thuế*, NXB Tài chính, 2005
- *Chính sách thuế 2007*, NXB Tài chính
- Các tài liệu khác liên quan tới thuế được lấy từ Internet./.

TaiLieu.vn

BÀI 1: NHẬP MÔN THUẾ

I. KHÁI NIỆM - VAI TRÒ - CHỨC NĂNG CỦA THUẾ TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Khái niệm - phân loại thuế với lệ phí, phí
2. Chức năng - vai trò của thuế

II. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỊNH THUẾ TRONG LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

1. Chế định thuế dưới thời phong kiến
2. Chế định thuế dưới thời Pháp thuộc
3. Chế định thuế thời kỳ sau CMT8 năm 1945 đến năm 1975

III. PHÂN LOẠI THUẾ

1. Căn cứ để phân loại thuế
2. Các loại thuế cơ bản áp dụng ở các nước trên thế giới và ở Việt Nam

IV. CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH MỘT LUẬT THUẾ

1. Tên gọi của luật thuế
2. Những qui định chung
3. Căn cứ tính thuế
4. Chế độ kê khai nộp thuế, thu thuế
5. Chế độ miễn, giảm thuế
6. Chế độ xử lý vi phạm và khen thưởng

V. TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THUẾ

1. Quá trình hình thành và phát triển bộ máy quản lý nhà nước về thuế ở Việt Nam
2. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về thuế hiện nay

I. KHÁI NIỆM, VAI TRÒ, CHỨC NĂNG CỦA THUẾ TRONG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

1. Khái niệm, phân biệt thuế với lệ phí, phí.

1.1 Khái niệm:

Thuế là một khoản nộp bắt buộc mà các thể nhân và pháp nhân có nghĩa vụ phải thực hiện đối với Nhà nước, phát sinh trên cơ sở các văn bản pháp luật do Nhà nước ban hành, không mang tính chất đối giá và hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp thuế. Thuế không phải là một hiện tượng tự nhiên mà là một hiện tượng xã hội do chính con người định ra và nó gắn liền với phạm trù Nhà nước và pháp luật.

- *Sự ra đời và tồn tại của thuế gắn liền với sự phân chia xã hội thành các giai cấp đối kháng và sự xuất hiện của Nhà nước - pháp luật.*

Thuế là một thực thể pháp lý nhân định nhưng sự ra đời và tồn tại của nó không chỉ phụ thuộc vào ý chí con người mà còn phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội của từng thời kỳ lịch sử nhất định.

Sự xuất hiện Nhà nước đòi hỏi cần phải có của cải vật chất cần thiết chi cho hoạt động thường xuyên của bộ máy Nhà nước nhằm đảm bảo cho Nhà nước tồn tại, duy trì quyền lực và thực hiện chức năng quản lý xã hội của mình. Trong điều kiện có các giai cấp, tồn tại chế độ tư hữu cùng với phạm vi hoạt động của Nhà nước ngày càng mở rộng thì chế độ đóng góp theo phương thức tự nguyện của dân cư trong chế độ cộng sản nguyên thủy không còn phù hợp nữa. Để có được lượng của cải cần thiết, Nhà nước đã sử dụng quyền lực của mình ban hành pháp luật, ấn định bắt buộc các thể nhân và pháp nhân phải đóng góp cho Nhà nước một phần của cải mà họ làm ra và hình thành quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước. Ban đầu những của cải vật chất này được thu nộp dưới hình thức hiện vật, dần dần thuế được chuyển sang hình thức tiền tệ. Đồng thời với việc ấn định nghĩa vụ thu nộp của cải vật chất đối với dân cư, Nhà nước đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ đó bằng bộ máy cưỡng chế của Nhà nước.

Sự xuất hiện sản phẩm thặng dư trong xã hội là cơ sở chủ yếu để thuế tồn tại và phát triển. Như vậy, thuế là phạm trù có tính lịch sử và là một tất yếu khách quan, thuế ra đời xuất phát từ nhu cầu đáp ứng chức năng của Nhà nước và sự tồn tại của thuế không tách rời quyền lực Nhà nước.

- *Thuế do cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất ban hành.*

ở các quốc gia, do vai trò quan trọng của thuế đối với việc hình thành quỹ ngân sách Nhà nước và những ảnh hưởng của nó đối với đời sống kinh tế - xã hội nên thẩm quyền quy định, sửa đổi, bãi bỏ các Luật thuế đều thuộc cơ quan lập pháp. Đây là nguyên tắc sớm được ghi nhận trong pháp luật của các nước. Chẳng hạn ở nước Anh đạo Luật về dân quyền năm 1688 quy định: cấm mọi sự thu thuế để dùng vào việc chi tiêu của Nhà nước nếu không được Quốc hội chấp thuận. ở Pháp, Quốc hội Pháp quy định: bất cứ một khoản thuế nào nếu không được Quốc

hội chấp thuận thì không được áp dụng. Hiến pháp của nước Cộng hòa Pháp năm 1791 quy định Quốc hội Pháp có quyền biểu quyết và định đoạt các Luật thuế.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định: Quốc hội có nhiệm vụ và quyền hạn quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các Luật thuế. Tuy vậy, do yêu cầu điều chỉnh các quan hệ pháp luật về thuế, Quốc hội có thể giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ một số loại thuế thông qua hình thức ban hành Pháp lệnh hoặc Nghị quyết về thuế.

- *Thuế là khoản nộp mang tính nghĩa vụ bắt buộc của các pháp nhân và thể nhân đối với Nhà nước không mang tính đối giá hoàn trả trực tiếp.*

Thuế là nghĩa vụ thanh toán mà các thể nhân và pháp nhân khi có các dấu hiệu và điều kiện được quy định cụ thể trong Luật thuế thì phải thực hiện đối với Nhà nước và được đảm bảo thực hiện bằng sự cưỡng chế của Nhà nước.

- *Thuế là công cụ phản ánh quan hệ phân phối lại của cải vật chất dưới hình thức giá trị giữa Nhà nước với các chủ thể khác trong xã hội.*

Nhà nước thu thuế làm phát sinh quan hệ phân phối giữa Nhà nước với các thể nhân và pháp nhân trong xã hội. Đối tượng của quan hệ phân phối này là của cải vật chất được biểu hiện dưới hình thức giá trị.

Sự tồn tại và phát triển của Nhà nước trong từng giai đoạn lịch sử, đặc điểm của phương thức sản xuất, kết cấu giai cấp là những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến vai trò, nội dung, đặc điểm của thuế. Do đó, cơ cấu và nội dung của cả hệ thống pháp luật thuế và từng Luật thuế phải được nghiên cứu, sửa đổi bổ sung, cải tiến và đổi mới kịp thời nhằm thích hợp với tình hình, nhiệm vụ của từng giai đoạn. Đồng thời phải tổ chức bộ máy phù hợp, đủ sức đảm bảo thực hiện các quy định pháp luật về thuế đã được Nhà nước ban hành trong từng thời kỳ.

Hệ thống pháp luật thuế được coi là phù hợp không chỉ nhìn một cách phiến diện vào số lượng các Luật thuế nhiều hay ít, vào mục tiêu đơn thuần là động viên tài chính vào ngân sách Nhà nước mà phải được phân tích một cách toàn diện, chặt chẽ với yêu cầu phát triển kinh tế, với đời sống xã hội, không đối lập với quyền lợi và khả năng đóng góp của nhân dân.

Ở nước ta trước cải cách chế độ thu ngân sách Nhà nước, Luật thuế chỉ áp dụng đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc thành phần kinh tế tập thể và cá thể. Để thực hiện chế độ thu ngân sách Nhà nước phù hợp với cơ chế thị trường, phát huy vai trò của các hình thức thu ngân sách Nhà nước, cuộc cải cách chế độ thu ngân sách Nhà nước được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết Quốc hội khóa VIII kỳ họp thứ IV năm 1989. Kết quả của cuộc cải cách này đưa đến việc áp dụng thống nhất chế độ thu thuế đối với tất cả các thành phần kinh tế, không phân biệt hình thức sở hữu, hình thức kinh doanh. Từ đây thuế thực sự trở thành nguồn thu chủ yếu của ngân sách Nhà nước và thuế chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nguồn thu ngân sách Nhà nước.

1.2 Phân biệt thuế với lệ phí, phí.

Thuế là khoản đóng góp bắt buộc theo quy định của pháp luật của các cá nhân và pháp nhân đối với Nhà nước không mang tính đối giá và hoàn trả trực tiếp.

Lệ phí là khoản thu vừa mang tính chất phục vụ cho đối tượng nộp lệ phí về việc thực hiện một số thủ tục hành chính vừa mang tính chất động viên sự đóng góp cho ngân sách Nhà nước.

Phí là khoản thu mang tính chất bù đắp chi phí thường xuyên hoặc bất thường như phí về xây dựng, bảo dưỡng, duy tu của Nhà nước đối với những hoạt động phục vụ người nộp phí.

Thuế và lệ phí, phí đều là nguồn thu cho ngân sách Nhà nước và đều mang tính pháp lý nhưng giữa chúng có sự khác biệt như sau:

- *Xét về mặt giá trị pháp lý:*

Thuế có giá trị pháp lý cao hơn lệ phí, phí. Thuế được ban hành dưới dạng văn bản pháp luật như: Luật, Pháp lệnh do Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua. Trình tự ban hành một Luật thuế phải tuân theo một trình tự chặt chẽ.

Trong khi đó lệ phí, phí được ban hành dưới dạng Nghị định, Quyết định của chính phủ; Quyết định của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Nghị quyết của hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- *Xét về mục đích và mức độ ảnh hưởng đối với nền kinh tế - xã hội thì thuế có 3 tác dụng lớn:*

- Tạo nguồn thu lớn cho ngân sách Nhà nước.
- Điều chỉnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý và định hướng phát triển kinh tế.
- Đảm bảo sự bình đẳng giữa những chủ thể kinh doanh và công bằng xã hội.

Qua đó chúng ta thấy thuế có tác động lớn đến toàn bộ quá trình phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia, đồng thời thuế là một bộ phận rất quan trọng cấu thành chính sách tài chính quốc gia.

Trong khi đó lệ phí, phí không có những tác dụng nói trên, nó chỉ có tác dụng tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Hơn nữa, việc tạo nguồn này không phải dùng đáp ứng nhu cầu chi tiêu mọi mặt của Nhà nước, mà trước hết dùng để bù đắp các chi phí hoạt động của các cơ quan cung cấp cho xã hội một số dịch vụ công cộng như: dịch vụ công chứng, dịch vụ đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản, dịch vụ hải quan...

Ngoài dấu hiệu là thuế được đảm bảo thực hiện bằng sự cưỡng chế của Nhà nước, thuế còn được phân biệt với lệ phí, phí ở chỗ các cá nhân và pháp nhân có nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước nhưng không trên cơ sở được hưởng những lợi ích vật chất tương ứng mang tính chất đối giá. Trong khi đó hình thức lệ phí, phí và công trái nói chung mang tính tự nguyện và có tính chất đối giá. Tính bắt buộc của lệ phí và phí chỉ xảy ra khi chủ thể nộp lệ phí, phí thừa hưởng trực tiếp những dịch vụ do Nhà nước cung cấp.

Bên cạnh đó, thuế không mang tính hoàn trả trực tiếp cho đối tượng nộp thuế. Tính chất không hoàn trả trực tiếp của thuế thể hiện ở chỗ Nhà nước thu thuế từ các cá nhân và pháp nhân trong xã hội nhưng không bị ràng buộc bởi trách nhiệm phải hoàn trả lại cho người nộp. Người nộp thuế suy cho cùng sẽ nhận được các lợi ích vật chất từ việc sử dụng các dịch vụ công cộng do Nhà nước sử dụng các khoản chi của ngân sách Nhà nước để thực hiện các chính sách kinh tế xã hội chung cho cả cộng đồng. Tuy nhiên, giá trị phân dịch vụ đó không nhất thiết tương đồng với khoản tiền thuế mà họ đã nộp cho Nhà nước. Tính chất này của thuế cho phép chúng ta phân biệt thuế với lệ phí, phí và các khoản thu mà Nhà nước tập trung vào ngân sách Nhà nước nhưng ràng buộc trách nhiệm hoàn trả cho đối tượng nộp dưới các hình thức như vay nợ, tạm ứng cho ngân sách Nhà nước.

- *Xét về tên gọi và mục đích.*

Mục đích của từng loại lệ phí rất rõ ràng, thường phù hợp với tên gọi của nó. Nói một cách chính xác hơn, tên gọi của loại lệ phí nào phản ánh khá đầy đủ mục đích sử dụng loại lệ phí đó.

Mỗi một Luật thuế đều có mục đích riêng. Tuy nhiên, đa số các sắc thuế có tên gọi không phản ánh đúng mục đích sử dụng, mà thường phản ánh đối tượng tính thuế.

Nói chung mục đích của việc sử dụng của các loại thuế thường là tạo nguồn quỹ ngân sách Nhà nước nhằm đáp ứng nhu cầu chi ngân sách Nhà nước, thực hiện chức năng quản lý xã hội của Nhà nước.

2. Chức năng, vai trò của thuế.

2.1 Chức năng của thuế.

Chức năng của một sự vật hay một hiện tượng là sự thể hiện công dụng vốn có của nó. Đối với một phạm trù kinh tế - xã hội thì chức năng phản ánh sự tác động của nó - là một phương thức đặc biệt biểu hiện những thuộc tính vốn có của phạm trù. Cũng như bản chất, chức năng cũng có tính ổn định tương đối của nó trong suốt thời gian tồn tại của sự vật hay đối tượng.

Thuế là một phạm trù tài chính, nó biểu hiện những thuộc tính chung vốn có của các quan hệ tài chính. Tuy nhiên thuế cũng có những đặc trưng, hình thức vận động và các chức năng riêng bắt nguồn từ tổng thể các mối quan hệ tài chính.

Căn cứ vào nội dung cùng với quá trình ra đời, tồn tại và phát triển của thuế, chúng ta thấy rằng thuế thực hiện các chức năng sau đây:

- *Chức năng phân phối và phân phối lại: là chức năng cơ bản, đặc thù của thuế.*

Ngay từ lúc ra đời thuế là phương tiện dùng để động viên nguồn tài chính vào ngân sách Nhà nước (có ở tất cả các kiểu Nhà nước). Về mặt lịch sử, chức năng huy động nguồn tài chính là chức năng đầu tiên, phản ánh nguyên nhân nảy sinh ra thuế. Thông qua chức năng này, các quỹ tiền tệ tập trung của Nhà nước được hình thành để đảm bảo cơ sở vật chất cho sự hoạt động thường xuyên và tồn tại của Nhà nước. Bằng chính chức năng này, Nhà nước tiến hành tham gia phân phối và phân

phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân trong xã hội. Chức năng phân phối và phân phối lại thu nhập của thuế là sự huy động một bộ phận thu nhập quốc dân dưới hình thức tiền tệ vào ngân sách Nhà nước. Phần lớn thuế đánh trên hàng hóa và thu nhập. Người có thu nhập cao và sử dụng nhiều hàng hóa, dịch vụ là người nộp thuế nhiều hơn. Số tiền này sau đó lại được Nhà nước chi nhằm thực hiện chính sách kinh tế-xã hội, tạo ra tính công bằng tương đối cho xã hội. Trong một chừng mực nhất định, chức năng phân phối và phân phối lại đã tạo điều kiện cho sự ra đời và phát huy tác dụng chức năng điều tiết của thuế.

Chức năng phân phối và phân phối lại có vị trí ngày càng quan trọng. Điều này được giải thích bởi sự phát triển, mở rộng các chức năng của Nhà nước và việc thực hiện nhiều chính sách khác nhau, trong đó có việc can thiệp của Nhà nước vào các quá trình kinh tế.

- *Chức năng điều tiết đối với nền kinh tế.*

Chức năng điều tiết của thuế được nhận thức và sử dụng rộng rãi từ những năm đầu của thế kỷ XX và gắn liền với vai trò điều chỉnh của Nhà nước đối với nền kinh tế. Việc tăng cường vai trò kinh tế - xã hội của Nhà nước dẫn đến tốc độ chi tiêu của Nhà nước ngày càng tăng lên và hậu quả tất yếu là đòi hỏi Nhà nước phải mở rộng quỹ tài chính Nhà nước, hình thành chủ yếu từ việc thu thuế. Nhu cầu về nguồn tài chính càng lớn thì Nhà nước cần phải tăng cường các chức năng của thuế để tác động một cách có hiệu quả đến nền kinh tế quốc dân. Chính trong quá trình đó chức năng phân phối và phân phối lại và chức năng điều chỉnh của thuế đã được sử dụng một cách hiện thực.

Điều đó có nghĩa là nội dung điều tiết theo một mục tiêu nào đó đã được dự liệu trước vào trong quá trình huy động tập trung nguồn tài chính. Bằng cách sử dụng nó để kích thích hoặc kìm hãm tốc độ tăng trưởng, tăng cường hoặc làm yếu đi sự tích lũy tiết kiệm, mở rộng hoặc thu hẹp nhu cầu có khả năng thanh toán của dân cư, đẩy nhanh hoặc làm chậm lại chu kỳ khủng hoảng kinh tế, Nhà nước đã thực hiện điều tiết các hoạt động kinh tế - xã hội trong phạm vi quốc gia.

Thực hiện chức năng điều chỉnh của thuế thông qua việc quy định các hình thức thu thuế khác nhau, xác định đúng đắn đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế; xây dựng chính xác, hợp lý các mức thuế phải nộp có tính đến khả năng của người nộp thuế. Trên cơ sở đó Nhà nước kích thích các hoạt động kinh tế đi vào quỹ đạo chung của nền kinh tế quốc dân, phù hợp với lợi ích của toàn xã hội. Trong điều kiện chuyển sang cơ chế thị trường, vai trò kích thích kinh tế thông qua thuế ngày càng được nâng cao. Nhà nước sử dụng thuế để tác động lên lợi ích kinh tế của các chủ thể vì lợi ích của nền kinh tế quốc dân. Với công cụ thuế, sự can thiệp của Nhà nước không mang tính chất mệnh lệnh, bắt buộc các chủ thể phải kinh doanh hay không kinh doanh mà chủ yếu tạo ra sự lựa chọn đối với các chủ thể kinh doanh.

Giữa hai chức năng trên của thuế có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau. Chức năng phân phối và phân phối lại của thuế là nguyên nhân ảnh hưởng đến sự vận động và phát triển của chức năng điều tiết. Nhưng chức năng điều tiết của thuế cũng có tác động ngược lại đến chức năng phân phối và phân phối lại thu nhập. Nguồn tài chính mà Nhà nước tập trung được dưới dạng thuế là tiền đề của sự can

thiệt của Nhà nước trên diện rộng và theo chiều sâu tới quá trình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Ngược lại, việc điều tiết, sắp xếp sản xuất của Nhà nước nhằm vào việc thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế lại tạo điều kiện để tăng thu nhập của các tầng lớp nhân dân và đây chính là cơ sở quan trọng để mở rộng phạm vi tác động của chức năng phân phối và phân phối lại.

Sự thống nhất nội tại của các chức năng hoàn toàn không loại trừ các mâu thuẫn nội tại trong mỗi chức năng và giữa hai chức năng. Sự tăng cường chức năng phân phối và phân phối lại làm cho nguồn thu của Nhà nước tăng lên. Điều đó có nghĩa là mở rộng khả năng của Nhà nước trong việc thực hiện các chương trình kinh tế xã hội. Mặt khác, việc tăng cường chức năng phân phối và phân phối lại một cách quá mức làm tăng gánh nặng thuế và hậu quả là làm giảm động lực phát triển kinh tế, trong nhiều trường hợp làm hạn chế vai trò của chức năng điều tiết. Đó là tính hai mặt của thuế, nó có khả năng làm ảnh hưởng đến nền kinh tế một cách tích cực, nhưng cũng có thể ảnh hưởng một cách tiêu cực. Tính hai mặt của sự tác động đó cần phải được xem xét nghiêm túc kỹ lưỡng trong tiến trình hoạch định, xây dựng, ban hành các chính sách pháp luật về thuế của Nhà nước trong từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội nhất định.

2.2 Vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường.

Các nhà kinh tế học thường đề cập vai trò của thuế đối với ngân sách Nhà nước và đời sống xã hội. Bởi vì trên thực tế, thông qua hoạt động thu thuế, Nhà nước tập trung được một bộ phận của cải của xã hội từ đó hình thành nên quỹ ngân sách Nhà nước và thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội.

Về phương diện Luật học, thuế là một thực thể do Nhà nước đặt ra thông qua việc ban hành các văn bản pháp luật. Các văn bản quy phạm pháp luật không chỉ quy định nội dung các loại thuế mà còn xác lập các quyền, nghĩa vụ của các chủ thể, các biện pháp đảm bảo thực hiện thu, nộp thuế. Pháp luật thuế là sự thể chế hoá các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước. Chính vì vậy pháp luật thuế là nhân tố quyết định ý nghĩa kinh tế - xã hội của thuế và có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế và đời sống xã hội.

Vai trò của thuế là sự biểu hiện cụ thể các chức năng của thuế trong những điều kiện kinh tế, xã hội nhất định. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, với sự thay đổi phương thức can thiệp của Nhà nước vào hoạt động kinh tế, thuế đóng vai trò hết sức quan trọng đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Vai trò của thuế được thể hiện trên các khía cạnh sau đây:

- *Pháp luật thuế là công cụ chủ yếu của Nhà nước nhằm huy động tập trung một phần của cải vật chất trong xã hội vào ngân sách Nhà nước.*

Nhà nước ban hành pháp luật thuế và ấn định các loại thuế áp dụng đối với các pháp nhân và thể nhân trong xã hội. Việc các chủ thể nộp thuế - thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế đã tạo ra nguồn tài chính quan trọng, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn thu ngân sách Nhà nước.

Cũng như pháp luật nói chung, Pháp luật thuế có chức năng điều chỉnh các quan hệ xã hội. Mục đích chủ yếu và quan trọng nhất của sự điều chỉnh quan hệ

pháp luật thu - nộp thuế là nhằm tạo lập quỹ ngân sách Nhà nước. Hầu hết ở các quốc gia, thuế là hình thức chủ yếu mà pháp luật quy định để thu ngân sách Nhà nước.

Một nền tài chính quốc gia lành mạnh phải dựa chủ yếu vào nguồn thu nội bộ của nền kinh tế quốc dân. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, xuất phát từ phạm vi hoạt động mà đòi hỏi Nhà nước phải ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật thuế để tập trung nguồn tài chính vào ngân sách Nhà nước từ đó mới đáp ứng được nhu cầu chi ngày càng tăng.

Thuế là công cụ quan trọng nhất để phân phối lại tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân theo đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Hiện nay nguồn thu nước ngoài đã giảm nhiều, kinh tế đối ngoại chuyển thành có vay có trả. Trước tiên, thuế là một công cụ quan trọng để góp phần ổn định trật tự xã hội, chuẩn bị điều kiện và tiền đề cho việc phát triển lâu dài.

Với cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, hệ thống pháp luật thuế mới được áp dụng thống nhất giữa các thành phần kinh tế. Thuế đã điều chỉnh được hầu hết các hoạt động sản xuất, kinh doanh, các nguồn thu nhập, mọi tiêu dùng xã hội. Đây là nguồn thu chính của ngân sách Nhà nước.

- *Pháp luật thuế là công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế và đời sống xã hội.*

Ngoài việc huy động nguồn thu cho ngân sách Nhà nước, pháp luật thuế còn có vai trò quan trọng trong việc điều tiết vĩ mô đối với nền kinh tế. Điều 26 Hiến pháp 1992 ghi nhận: Nhà nước thống nhất quản lý nền kinh tế quốc dân bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách. Là một bộ phận của hệ thống pháp luật Việt Nam, pháp luật thuế đóng vai trò là công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước. Thông qua việc ban hành và thực hiện pháp luật thuế, Nhà nước thể chế hoá và thực hiện chính sách điều tiết đối với nền kinh tế, điều tiết thu nhập và tiêu dùng xã hội.

Điều tiết đối với nền kinh tế là yêu cầu khách quan, thường xuyên của Nhà nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường. Thông qua các quy định của pháp luật thuế về cơ cấu các loại thuế, phạm vi đối tượng nộp thuế, thuế suất, miễn giảm thuế... Nhà nước chủ động phát huy vai trò điều tiết đối với nền kinh tế. Vai trò này của pháp luật thuế được thể hiện ở chỗ pháp luật thuế là công cụ tác động đến tư duy đầu tư, hành vi đầu tư của các chủ thể kinh doanh, hành vi tiêu dùng của các thành viên trong xã hội. Dựa vào công cụ thuế, Nhà nước có thể thúc đẩy hoặc hạn chế việc đầu tư, tiêu dùng.

Thông qua các quy định của pháp luật thuế, Nhà nước chủ động can thiệp đến cung - cầu của nền kinh tế. Sự tác động của Nhà nước để điều chỉnh cung - cầu của nền kinh tế một cách hợp lý sẽ có tác động lớn đến sự ổn định và tăng trưởng kinh tế. Bằng các quy định của pháp luật thuế, Nhà nước tác động tích cực đến cung - cầu của nền kinh tế trong tất cả các giai đoạn từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Điều tiết tiêu dùng là hoạt động quan trọng của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường. Thông qua các quy định của pháp luật thuế, Nhà nước tác động đến các quan hệ tiêu dùng của xã hội. Nhằm hạn chế việc tiêu dùng đối với một số hàng

hóa, dịch vụ, Nhà nước tăng thuế suất thuế giá trị gia tăng, thuế xuất nhập khẩu...đối với việc sản xuất kinh doanh, tiêu dùng các loại hàng hóa đó.

Để thực hiện chính sách bảo hộ, khuyến khích sản xuất trong nước và khuyến khích xuất khẩu, pháp luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu có các quy định khuyến khích hoặc hạn chế việc xuất, nhập khẩu đối với một số hàng hóa. Sự khuyến khích hoặc hạn chế này thể hiện tập trung ở biểu thuế áp dụng có tính chất phân biệt đối với các loại hàng hóa xuất nhập khẩu.

Trong điều kiện cạnh tranh của nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường tất yếu dẫn đến tình trạng suy thoái về tài chính ở một số doanh nghiệp. Đối với những ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cần khuyến khích, ngoài các quy định chung, pháp luật thuế còn có các quy định ưu đãi, miễn, giảm thuế nhằm khắc phục sự suy thoái về tài chính, tạo sự ổn định và phát triển của các doanh nghiệp.

Thuế góp phần khuyến khích khai thác nguyên liệu, vật tư trong nước để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu. Thông qua pháp luật thuế, Nhà nước có tác động tích cực trong việc thúc đẩy sản xuất phát triển trên cơ sở tận dụng và sử dụng hợp lý và có hiệu quả các nguồn lực của đất nước trong việc điều chỉnh cung - cầu và cơ cấu kinh tế.

- *Pháp luật thuế là công cụ góp phần đảm bảo sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế và công bằng xã hội.*

Hệ thống pháp luật thuế mới được áp dụng thống nhất chung cho các ngành nghề, các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư nhằm đảm bảo sự bình đẳng và công bằng xã hội về quyền lợi và nghĩa vụ đối với mọi thể nhân và pháp nhân.

Sự bình đẳng và công bằng được thể hiện thông qua chính sách động viên giống nhau giữa các đơn vị, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có những điều kiện hoạt động giống nhau, đảm bảo sự bình đẳng và công bằng.

Vai trò điều tiết thu nhập của pháp luật thuế thể hiện ở sự tác động của pháp luật thuế đối với các quan hệ phân phối và sử dụng thu nhập trong xã hội.

Sự vận động của nền kinh tế theo cơ chế thị trường đòi hỏi Nhà nước phải sử dụng đồng bộ nhiều công cụ khác nhau để khắc phục những sự mất cân đối về mặt xã hội trong đó có mất cân đối về thu nhập. Nhà nước sử dụng pháp luật thuế làm công cụ để điều hòa vĩ mô thu nhập trong xã hội. Sự điều tiết này thể hiện ở chỗ thông qua các quy định của pháp luật thuế, Nhà nước thực hiện việc điều tiết thu nhập của các đối tượng nộp thuế và các thành viên trong xã hội. Sự thay đổi của pháp luật thuế về cơ cấu các loại thuế trong hệ thống thuế, về thuế suất... đều có tác động đến thu nhập và sử dụng thu nhập trong xã hội.

Hiện nay, xu hướng chung của các quốc gia là xây dựng các quy phạm pháp luật thuế theo hướng hội nhập quốc tế, đơn giản hóa cơ cấu hệ thống thuế và thuế suất... Tuy vậy, việc thực hiện xu hướng chung đó không làm triệt tiêu vai trò của pháp luật thuế là công cụ điều tiết vĩ mô của Nhà nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường.

II. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỊNH THUẾ TRONG LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM.

Lịch sử nước ta mặc dù đã hình thành từ rất lâu nhưng cho đến tận thế kỷ XI, đời vua Trần Thái Tông (1225 - 1237) thì việc đánh thuế mới được hình thành một cách có tổ chức và có hệ thống. Ngược dòng lịch sử, chúng ta tìm hiểu khái quát về chế định thuế hình thành và phát triển trong lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam.

1. Chế định thuế dưới thời phong kiến.

[Top](#)

Ngay từ thời phong kiến, các cấp lãnh đạo dưới chế độ quân chủ đã biết tổ chức hệ thống thu thuế để làm nguồn thu cho công quỹ của nhà Vua. Tuy vậy từ các triều đại nhà Trần trở về sau này, sự tổ chức, cách đánh thuế và thu thuế mới được ghi chép và có hệ thống.

1.1 Chế định thuế dưới triều đại nhà Trần:

Thuế ở nước ta được hình thành từ đời nhà Trần, rõ rệt nhất là vào thời vua Trần Thái Tông. Theo sử sách ghi nhận vào thời nhà Trần có 2 loại thuế chính được áp dụng đó là thuế thân và thuế điền:

- *Thuế thân: căn cứ vào diện tích ruộng mà đánh thuế. Ai có một, hai mẫu ruộng thì phải đóng 1 quan tiền/ 1 năm; ai có 4 mẫu thì đóng 2 quan; ai có 5 mẫu trở lên thì đóng 3 quan; ai không có mẫu nào thì không phải đóng thuế.*
- *Thuế điền (thuế ruộng): đóng bằng thóc. Một mẫu ruộng tư thì chủ điền phải đóng 100 thăng thóc. Còn ruộng công thì: đối với ruộng quốc khố thì hạng nhất mỗi mẫu đánh thuế 6 thạch, hạng nhì mỗi mẫu 4 thạch, hạng ba mỗi mẫu 3 thạch; đối với thục điền (ruộng thưởng cho quan lại có công): hạng nhất mỗi mẫu đánh thuế 1 thạch thóc; hạng nhì 3 mẫu lấy 1 thạch; hạng ba 4 mẫu lấy 1 thạch. Với ruộng ao thì mỗi mẫu lấy 3 thăng thóc thuế. Ruộng muối thì phải đóng bằng tiền.*

1.2 Chế định thuế dưới triều đại nhà Hồ.

Từ thời nhà Trần việc đóng thuế đã trở thành lệ và hầu như không thay đổi đáng kể vào thời nhà Hồ. Chỉ có quy định tăng hạn ngạch thuế thân: cứ 2 mẫu 6 sào trở lên thì đóng 3 quan tài tiền mặt một năm.

1.3 Chế định thuế dưới triều đại nhà Lê.

Ngoài thuế ruộng (thuế điền), còn đặt thêm thuế đất (thổ), thuế đất bãi trồng dâu nuôi tằm.

1.4 Chế định thuế dưới thời chúa Trịnh.

Ngoài việc duy trì các loại thuế như trước, Chúa Trịnh ở miền bắc còn đặt ra thêm các loại thuế khác như:

- Thuế Mỏ (khai thác hầm mỏ), thuế đò (lệ phí giao thông), thuế chợ, thuế thổ sản có thể xem như thuế tài nguyên bây giờ.